

Bản án số: 46/2023/DS-PT
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng;
Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2023/TLPT-DS ngày 08/02/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2022/QĐXX - PT ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 05, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Xuân H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thị trấn H, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Nơi công tác: Công ty Luật TNHH AM; địa chỉ: Số nhà 1512, Đường Hùng Vương, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S là bà Đỗ Thanh H, sinh 1987 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH AM; địa chỉ: Số nhà 1512, Đường Hùng Vương, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Lý Thị Thành K, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 5, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Gia L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 169, tổ 6B, phố Hàm Nghi, khu Thanh Xuân, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị K L – Luật sư Văn phong Luật sư Phú Thọ và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Số nhà 08, tổ 16H, phố C, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 5, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Gia L, sinh năm 1958; địa chỉ: Phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

2. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu 05, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Xuân H, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thị trấn Hùng Sơn, huyện P, tỉnh Phú Thọ.
(Ông S, bà Thanh H, bà Xuân H; ông L, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đỗ Văn S trình bày: Vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S468785 ngày 26/9/2001, địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ gồm 08 thửa đất trong đó có thửa đất số 166; tờ bản đồ số 2, diện tích 360m² (đất ở 300m², đất vườn 60m²); mục đích sử dụng: đất thổ cư; thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 2, diện tích 372m², mục đích sử dụng: ĐRM, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013. Nguồn gốc các thửa đất trên là vợ chồng ông được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 166 giáp ranh nằm phía sau thửa đất số 160-4 (tính theo hướng từ đường đi ra phía bờ sông Lô).

Năm 2005 vợ chồng ông nói bán thửa đất số 166 cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H. Sau đó vợ chồng anh H thương hoàn cảnh vợ chồng ông L, bà K khó khăn (vì ông L là em trai ruột anh H) nên vợ chồng anh H đã tặng cho thửa đất này cho bà K, anh L và bảo vợ chồng ông ký giấy chuyển nhượng thửa đất số 166 cho bà K, ông L. Ngày 10/6/2005 ông bà ký biên bản chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho anh L, bà K. Biên bản này ký tại nhà ông H và có ông H làm chứng. Khi ký anh L vẫn minh mẫn nhưng do anh L có sở tâm thần nên anh không ký vào biên bản và chỉ bà K đại diện ký vào biên bản bên người mua.

Ngày 25/8/2006, bà K được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE794182 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ 02, diện tích 360m² (300m² đất ở và 60m² đất vườn).

Cùng năm 2006 vợ chồng ông cho vợ chồng bà K mượn thửa đất số 160-4 để canh tác và có đóng S hàng năm (đóng bằng ngô) cho vợ chồng ông để gia đình ông đóng thuế đất cho nhà nước. Các bên cho nhau mượn chỉ bằng miệng. Đến khi nhà nước không thu thuế đất nông nghiệp nữa thì vợ chồng ông không yêu cầu ông L, bà K đóng S nữa. Việc bà K đóng S bằng ngô cho vợ chồng ông có một vài anh em trong họ nhà ông biết.

Ông không xác định được các vị trí các mốc giới cụ thể của thửa đất số 160-4 và 166 trên thực địa.

Tại đơn khởi kiện, ông đề nghị Tòa án buộc bà K phải trả cho vợ chồng ông diện tích đất đã lấn chiếm là 80m² thuộc thửa đất số 160-4.

Sau khi cùng Tòa án làm việc tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp thì ông thấy vợ chồng bà K đã xây chuồng gà và xây rào (chân rào là xây gạch trên là hàng rào sắt B40) bao quanh toàn bộ thửa đất 160-4 của vợ chồng. Ngày 24/6/2022 ông làm đơn bổ sung đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà K phải trả toàn bộ thửa đất số 160-4 có diện tích 372m².

Bà Lý Thị Thành K là bị đơn trình bày: Năm 2005 bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 166 tờ bản đồ 02, diện tích 360m² (300m² đất ở và 60m² đất vườn), địa chỉ: Khu 5, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ của vợ chồng ông Đỗ Văn S và bà Lưu Thị T. Khi mua thửa đất 166, bà và vợ chồng ông S có ký hợp đồng chuyển nhượng và

đã thống nhất mốc giới một phía giáp với gia đình ông Nguyễn Công K (hiện nay gia đình bà và ông K đã xác định mốc giới và xây bờ rào kiên cố); một phía giáp với hộ ông Ngô Văn B (hiện nay bà và ông B đã xác định mốc giới và bà đã căng lưới để làm ranh giới giữa đất của bà và của ông B); một phía giáp đường đi, một phía giáp phía bờ Sông Lô (Ngày xưa khi mua đất của ông S và bà T thì phía giáp sông lô này không có mốc giới cụ thể vì bờ sông này hay lở, bồi thường xuyên). Sau khi nhận chuyển nhượng bà có mời địa chính vào đo đạc diện tích đất, đã chỉ từng mốc giới cụ thể của thửa đất trên đề địa chính đo đạc. Ngày 25/8/2006 bà được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE794182 đối với thửa đất 166 đứng tên bà.

Hiện nay diện tích thửa đất 166 tăng thêm do bà khai hoang mà có, do nước sông lô cạn dần nên đất bồi thêm và bà đã trồng cây sử dụng, khai hoang phần diện tích đất này.

Bà xác định bà không mượn thửa đất số 160-4 của vợ chồng ông S, không đóng S bằng ngô như ông S trình bày. Nay ông S đề nghị bà phải trả lại đất thì bà không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K trình bày: Bà xác nhận lời khai của bà K là đúng. Theo bản đồ 299 là bản đồ quản lý đất đai trên địa bàn xã không thể hiện thửa 160-4 trên bản đồ. Sổ 5A lập theo nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 do ông Đỗ Trung H – Trưởng khu năm cung cấp thì bãi công trường có diện tích 340m² mà không phải 372m². Bà cho rằng không thể xác định thửa đất số 160-4 nên không có căn cứ xác định bà K lấn chiếm đất của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Thảo trình bày: Bà nhất trí với lời khai của đại diện theo ủy quyền của ông S. Bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà K phải trả toàn bộ thửa đất số 160-4 cho vợ chồng bà.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà K là đúng. Ông xác định vợ chồng ông L không mượn thửa đất số 160-4 của vợ chồng ông S, không đóng S bằng ngô như ông S trình bày. Nay ông S đề nghị bà phải trả lại đất thì ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS - ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, xử:

Áp dụng Điều 175, Điều 579, Điều 580, Điều 583 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Bộ luật đất đai năm 2013, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Lý Thị Thành K và ông Nguyễn Văn L phải trả cho ông Đỗ Văn S và bà Lưu Thị T 285.5m² đất thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM. Phần diện tích đất này được xác định hình thể, vị trí, kích thước trên thực địa và được xác định bởi các mốc 8,9,17,18,8 có bản vẽ kèm theo và buộc Bà K và ông L phải tháo dỡ toàn bộ công

trình xây dựng, cây cối trồng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm. Ông S và bà Thảo không phải thanh toán giá trị tài S đối với các công trình xây dựng, cây cối trồng, phần làm tăng giá trị đất trên phần diện tích đất này.

Buộc bà K và ông L phải thanh toán lại cho ông S và bà Thảo giá trị quyền sử dụng đất của phần đất diện tích 86.5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Bà K, ông L được quyền sử dụng một phần diện tích đất là 86.5m² của thửa đất 160-4, được xác định bởi các mốc 7,8,18,19,20,7 (có bản vẽ kèm theo).

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 12/12/2022, ông Đỗ Văn S có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P. Sau đó tại phiên toà ngày 31/5/2023 ông Đỗ Văn S thay đổi nội dung kháng cáo: Nhất trí với toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ kháng cáo một phần bản án Sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P về nội dung: Xác định thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn S và bà Lưu Thị T, không đồng ý thanh toán bằng tiền như Bản án sơ thẩm đã tuyên mà yêu cầu trả lại bằng đất.

Tại phiên toà phúc thẩm ông S, bà T uỷ quyền cho bà H nhất trí giao phần diện tích đất là 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM cho ông L, bà K được toàn quyền quản lý, sử dụng. Đồng thời, bà K, ông L đồng ý thanh toán cho (ông S, bà Thảo) giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thửa đất tranh chấp qua hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm là: 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, ông L, bà K thanh toán cho bên ông S, bà Thảo tổng số tiền là: 44.500.000đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và yêu cầu bên ông L, bà K thanh toán cho ông S, bà Thảo thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày bên ông S, bà Thảo nhận được Bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ bằng hình thức chuyển khoản:

- Chủ tài khoản: Phạm Thị Xuân H;
- Số tài khoản: **0946838336**;
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Phú Thọ.

- Bà K, ông L phải thực hiện tháo dỡ toàn bộ chuồng gà, tường rào bao quanh, tường xây gạch xi măng 0,5m, phía trên có lưới B40 mạ kẽm và đồ dùng vật dụng trên phần đất 285,5 m² và cây cối theo như nội dung Bản án sơ thẩm, trả lại hiện trạng đất cho bên ông S, bà Thảo trong thời hạn **10 (mười)** ngày kể từ ngày hôm nay.

- Các bên tự chịu trách nhiệm liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

- Về án phí: Các bên nhất trí mỗi bên chịu ½ (một phần hai) án phí phúc thẩm (phần thoả thuận).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án, việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 12/12/2022, ông Đỗ Văn S có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù. Tại phiên ngày 31/5/2023 ông Đỗ Văn S thay đổi nội dung kháng cáo: Nhất trí với toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ kháng cáo một phần bản án Sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P về nội dung: Xác định thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn S và bà Lưu Thị T, không đồng ý thanh toán bằng tiền như Bản án sơ thẩm đã tuyên mà yêu cầu trả lại bằng đất, kháng cáo ông S là hợp lệ, trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy tại phiên toà phúc thẩm ông S, bà T uỷ quyền cho bà H nhất trí giao phần diện tích đất là 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM cho ông L, bà K được toàn quyền quản lý, sử dụng (*theo chỉ giới sơ đồ đo vẽ Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm*). Đồng thời, bà K, ông L đồng ý thanh toán cho (ông S, bà Thảo) giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B(nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thửa đất tranh chấp qua hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm là: 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, ông L, bà K thanh toán cho bên ông S, bà Thảo tổng số tiền là: 44.500.000đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và yêu cầu bên ông L, bà K thanh toán cho ông S, bà T thời hạn 02 (*hai*) ngày kể từ ngày bên ông S, bà T nhận được Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bằng hình thức chuyển khoản:

- Chủ tài khoản: Phạm Thị Xuân H;
- Số tài khoản: **0946838336**;
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Phú Thọ.
- Bà K, ông L phải thực hiện tháo dỡ toàn bộ chuồng gà, tường rào bao quanh, tường xây gạch xi măng 0,5m, phía trên có lưới B40 mạ kẽm và đồ dùng vật dụng trên phần đất 285,5 m² và cây cối theo như nội dung Bản án sơ thẩm, trả lại hiện trạng đất cho bên ông S, bà T trong thời hạn **10 (mười)** ngày kể từ ngày hôm nay.
- Các bên tự chịu trách nhiệm liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Hai bên tự nguyện không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và cam kết thực hiện theo đúng thoả thuận, bên nào thực hiện không đúng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì. Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Đối với phần án phí theo thoả thuận ông S, bà Thảo (bà Hương), ông L, bà K (ông L) thoả thuận nhất trí mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ (một phần hai) 1.500.000đ : 2 = 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí phúc thẩm .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm: Ông S, bà T uỷ quyền cho bà H nhất trí giao phần diện tích đất là 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B (nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM cho ông L, bà K được toàn quyền quản lý, sử dụng (theo chỉ giới sơ đồ đo vẽ Bản án của Toà án cấp sơ thẩm). Đồng thời, bà K, ông L đồng ý thanh toán cho (ông S, bà Thảo) giá trị quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 86,5m² thuộc thửa đất số 160-4, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã B (nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, mục đích sử dụng: ĐRM số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá thửa đất tranh chấp qua hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm là: 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, ông L, bà K thanh toán cho bên ông S, bà Thảo tổng số tiền là: 44.500.000đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) và yêu cầu bên ông L, bà K thanh toán cho ông S, bà Thảo thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày bên ông S, bà T nhận được Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bằng hình thức chuyển khoản:

- Chủ tài khoản: Phạm Thị Xuân H;
- Số tài khoản: **0946838336**;
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Phú Thọ.

- Bà K, ông L phải thực hiện tháo dỡ toàn bộ chuồng gà, tường rào bao quanh, tường xây gạch xi măng 0,5m, phía trên có lưới B40 mạ kẽm và đồ dùng vật dụng trên phần đất 285,5 m² và cây cối theo như nội dung (theo chỉ giới sơ đồ đo vẽ Bản án của Toà án cấp sơ thẩm), trả lại hiện trạng đất cho bên ông S, bà T trong thời hạn **10 (mười)** ngày kể từ ngày hôm nay.

- Các bên tự chịu trách nhiệm liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Lý Thị Thành K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0001240 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn S được miễn án phí theo quy định. Đối với phần án phí theo thỏa thuận ông S, bà Thảo (bà Hương), ông L, bà K (ông L) thỏa thuận nhất trí mỗi bên chịu 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H.P;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

